

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM  
(MECO JSC)

..... @ .....

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **HỢP NHẤT**

### **QUÝ 4 NĂM 2015**

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2016

**CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội  
 Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của BTC)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,259,146,895,238</b>	<b>1,316,674,717,363</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>137,301,280,085</b>	<b>26,140,430,913</b>
1. Tiền	111	V.01	114,301,280,085	26,140,430,913
2. Các khoản tương đương tiền	112		23,000,000,000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>20,193,498,500</b>	<b>13,644,434,456</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		342,250,000	1,814,050,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(148,751,500)	(197,421,100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20,000,000,000	12,027,805,556
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>545,832,207,432</b>	<b>585,577,998,427</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	400,013,642,858	430,221,992,172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		87,527,841,583	79,863,535,719
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	69,769,034,753	87,770,782,298
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(11,972,001,096)	(12,772,001,096)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	493,689,334	493,689,334
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>553,795,563,113</b>	<b>687,445,637,101</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	627,693,036,182	774,087,188,969
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(73,897,473,069)	(86,641,551,868)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,024,346,108</b>	<b>3,866,216,466</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	210,522,040	106,561,789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,813,824,068	3,759,654,677
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>806,053,801,539</b>	<b>943,092,325,742</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>2,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216			2,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>189,736,616,675</b>	<b>32,214,465,685</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	189,736,616,675	32,214,465,685
- Nguyên giá	222		280,724,473,502	120,331,088,049
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90,987,856,827)	(88,116,622,364)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>404,844,898,033</b>	<b>378,972,353,887</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		404,844,898,033	378,972,353,887
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>211,151,155,468</b>	<b>531,548,308,090</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		186,734,507,468	508,517,062,411
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60,847,824,939	61,607,824,939
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(36,431,176,939)	(38,576,579,260)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>321,131,363</b>	<b>355,198,080</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	292,198,781	326,265,498
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		28,932,582	28,932,582
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,065,200,696,777</b>	<b>2,259,767,043,105</b>



**CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)**Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội  
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568Mẫu số B 01 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,466,954,524,533</b>	<b>1,684,910,927,761</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,056,262,926,446</b>	<b>1,154,722,883,021</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	217,246,565,592	226,693,814,247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46,914,987,821	161,159,521,333
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	37,360,801,532	24,309,914,411
4. Phải trả người lao động	314		3,435,969,276	5,633,838,016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	173,422,575,228	56,806,663,900
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2,125,108,364	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	217,161,350,618	208,220,983,932
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	347,290,151,482	459,889,030,649
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11,305,416,533	12,009,116,533
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>410,691,598,087</b>	<b>530,188,044,740</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		73,152,353,920	
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		11,681,086,486	13,063,566,420
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	325,108,157,681	516,374,478,320
4. Trái phiếu chuyển đổi	339		750,000,000	750,000,000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>598,246,172,244</b>	<b>574,856,115,344</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>598,207,750,521</b>	<b>574,796,218,677</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,605,638,453	2,647,565,897
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13,660,905,175	2,647,565,897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,944,733,278	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9,150,502,478	8,697,043,190
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>V.17</b>	<b>38,421,723</b>	<b>59,896,667</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		38,421,723	59,896,667
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,065,200,696,777</b>	<b>2,259,767,043,105</b>

Hà nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	78,303,788,229	504,601,025,767	376,134,250,148	1,199,414,139,245
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78,303,788,229	504,601,025,767	376,134,250,148	1,199,414,139,245
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	46,638,142,609	479,863,663,610	296,177,086,665	1,122,709,919,616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,665,645,620	24,737,362,157	79,957,163,483	76,704,219,629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	38,798,859,284	71,912,788	44,477,881,464	5,518,976,094
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	41,591,149,760	15,906,386,782	75,361,104,021	42,258,421,480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39,200,754,483	16,211,444,012	76,113,915,425	48,635,125,177
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		(3,888,523,869)	872,313,868	(5,447,974,943)	16,534,495,416
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	16,818,960	123,966,748	95,275,004	1,205,515,040
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2,111,888,013	2,941,911,414	6,566,442,090	13,881,484,459
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22,856,124,302	6,709,323,869	36,964,248,889	41,412,270,160
12. Thu nhập khác	31	VI.06	6,000,000,029	9,248,126,444	7,025,611,066	18,578,327,779
13. Chi phí khác	32	VI.07	16,706,342,914	10,612,491,599	16,957,706,552	18,054,092,680
14. Lợi nhuận khác	40		(10,706,342,885)	(1,364,365,155)	(9,932,095,486)	524,235,099
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,149,781,417	5,344,958,714	27,032,153,403	41,936,505,259
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	204,219,951	501,008,686	3,970,621,559	3,559,240,959
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,945,561,466	4,843,950,028	23,061,531,844	38,377,264,300
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		11,944,733,278	4,782,701,323	22,958,072,556	38,287,930,975
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		828,188	61,248,705	103,459,288	89,333,325
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		229	92	441	736
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN



Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

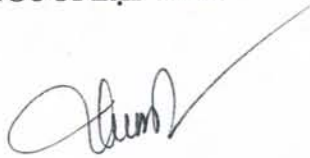
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯỠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27,032,153,403	41,936,505,259
2. Điều chỉnh cho các khoản			(19,268,026,646)	(12,543,413,258)
- Khấu hao TSCĐ	02		11,471,457,078	9,624,960,865
- Các khoản dự phòng	03		(2,990,982,600)	505,435,627
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1,378,422,105	13,518,094
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(105,240,838,654)	(71,322,453,021)
- Chi phí lãi vay	06		76,113,915,425	48,635,125,177
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7,764,126,757	29,393,092,001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49,805,491,751	190,296,207,235
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(35,991,724,754)	513,669,307,358
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46,047,133,726	(447,590,996,035)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(69,893,534)	373,397,692
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1,471,800,000	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40,899,706,596)	(83,728,403,878)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(618,480,639)	(5,247,386,807)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			1,635,672,195
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(703,700,000)	(1,889,742,195)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>26,805,046,711</b>	<b>196,911,147,566</b>
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42,566,711,994)	(79,138,177,621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		77,489,649,038	83,154,137,155
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,000,000,000)	(28,106,005,556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12,027,805,556	16,078,200,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		355,760,000,000	710,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,508,528,244	1,779,775,727
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>388,219,270,844</b>	<b>(5,522,070,295)</b>
<b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành *	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		62,630,688,355	406,500,373,001
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(366,495,888,161)	(603,299,310,700)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(303,865,199,806)	(196,798,937,699)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		111,159,117,749	(5,409,860,428)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26,140,430,913	31,551,324,226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,731,423	(1,032,885)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		137,301,280,085	26,140,430,913

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016  
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TỊCH HĐQT





NINH THỊ LUÂN

NGUYỄN NGỌC BÌNH



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2015

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m<sup>3</sup>/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty liên kết là Công ty CP Thủy điện Văn Chấn, từ đó Công ty CP Thủy điện Văn Chấn không còn là Công ty liên kết của Công ty.

#### **6. Cấu trúc tập đoàn**

- Tổng số các Công ty con: 05
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 05
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất
- + Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,81 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,5 %

+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89%

+ Công ty CP thủy điện Thác Xăng

Địa chỉ: 2A14 tổ 1D, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,11 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80 %

+ Công ty CP khoáng sản MECO

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 91,95 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75 %

+ Công ty CP Bất động sản MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 74,38 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 90 %

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP cơ điện và XD Hòa Bình

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ phần sở hữu: 32,49 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46 %

+ Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu: 28,05 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,05 %

- Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ phần sở hữu: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45 %

## **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2015 là năm tài chính thứ 10 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

▪ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

▪ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

#### 7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

#### 17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

#### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

---

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

#### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### 21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

##### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:*

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

##### *Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:*

##### *Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

*Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:* Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

*Các bên liên quan:* Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Đơn vị tính: VND	
		Cuối kỳ	Đầu năm
1- Tiền		76,403,118,597	526,829,543
- Tiền mặt		37,898,161,488	25,613,601,370
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		114,301,280,085	26,140,430,913
<b>Cộng</b>			

		Cuối kỳ			Đầu năm		
		Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
2- Các khoản đầu tư tài chính:							
a) Chứng khoán kinh doanh:		342,250,000	193,498,500	(148,751,500)	1,814,050,000	1,616,628,900	(197,421,100)
- Tổng giá trị cổ phiếu		342,250,000	193,498,500	(148,751,500)	1,814,050,000	1,616,628,900	(197,421,100)

+ Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành 1,471,800,000 1,375,500,000 (96,300,000)

+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội 342,250,000 193,498,500 (148,751,500) 342,250,000 241,128,900 (101,121,100)

- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu, trái phiếu:

Trong kỳ Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (TTF). Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu Công ty tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành		131,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	29,769	29,769

		Cuối kỳ	Đầu năm
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20,000,000,000	12,027,805,556
b1) Ngắn hạn			2,027,805,556
- Tiền gửi có kỳ hạn			
- Các khoản đầu tư khác		20,000,000,000	10,000,000,000

		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn				27,500,000	321,361,830,943
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	200,353	2,003,528,515	200,353	2,003,528,515	
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn	420,724	1,682,896,000	420,724	2,103,620,000	
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		8,048,082,953		8,048,082,953	
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn		175,000,000,000		175,000,000,000	
<b>Cộng</b>		<b>186,734,507,468</b>		<b>508,517,062,411</b>	

		Cuối kỳ			Đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác							
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1,050,000,000	1,050,000,000		1,050,000,000	1,050,000,000		1,050,000,000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1,800,000,000			1,800,000,000	1,800,000,000		1,800,000,000
+ Công ty CP AP MECO				520,000,000			520,000,000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2,550,000,000	(2,550,000,000)		2,790,000,000	(2,793,089,321)		
+ Công ty CP ĐT và PT Đô thị Long Giang	53,447,824,939	(33,881,176,939)	19,566,648,000	53,447,824,939	(35,783,489,939)	17,664,335,000	
+ Công ty CP Kính Melita	2,000,000,000		2,000,000,000	2,000,000,000		2,000,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>60,847,824,939</b>	<b>(36,431,176,939)</b>	<b>24,416,648,000</b>	<b>61,607,824,939</b>	<b>(38,576,579,260)</b>	<b>23,034,335,000</b>	

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha là 138.512.077.367 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 295.759.825.101 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 98,81 %

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP Thủy điện Thác Xăng là 62.021.352 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 16.648.513.345 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 99,11 %

Trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty CP khoáng sản MECO là 70.186.440 đồng. Tại ngày kết thúc quý Công ty đã đầu tư 6.507.857.076 đồng, đạt tỷ lệ lợi ích thực tế 91,95 %

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng hết số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty liên kết là Công ty CP thủy điện Văn Chấn. Từ đó, Công ty CP Thủy điện Văn Chấn không còn là Công ty liên kết của Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

3- Phải thu của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		400,013,642,858	430,221,992,172	
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		12,381,278,251	10,549,789,391	
<i>Công ty CP Bất động sản MECO</i>				
<i>Phải thu về tiền điện nước</i>		1,389,255,472	888,742,456	
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>				
<i>Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác</i>		10,992,022,779	9,661,046,935	
4- Phải thu khác		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	69,769,034,753	-	87,770,782,298	-
- Tạm ứng	61,424,994,892		62,463,363,173	
- Ký cược, ký quỹ	15,700,000		186,300,853	
- Phải thu khác	8,328,339,861		25,121,118,272	
b) Dài hạn				
Cộng	69,769,034,753	-	87,770,782,298	-
5- Tài sản thiếu chờ xử lý		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Hàng tồn kho		214,713,849		214,713,849
b) Tài sản khác		278,975,485		278,975,485
Cộng		493,689,334		493,689,334
6- Nợ xấu		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11,972,001,096	-	12,772,001,096	-
Cộng				
7- Hàng tồn kho		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	203,857,310		1,016,686,736	
- Nguyên liệu, vật liệu	45,660,031,177		38,961,489,848	
- Công cụ, dụng cụ	179,608,416		84,858,818	
- Chi phí SX, KD dở dang	552,681,238,781	73,897,473,069	684,807,870,101	86,641,551,868
- Thành phẩm	94,368,520		94,598,520	
- Hàng hóa	28,755,412,683		49,003,165,651	
- Hàng gửi bán	118,519,295		118,519,295	
Cộng	627,693,036,182	73,897,473,069	774,087,188,969	86,641,551,868
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Trong kỳ Công ty quyết toán công trình Nho Quế 3 nên hoàn nhập khoản dự phòng tương ứng đã trích lập của công trình này là 12.744.078.799 VND.				
8- Tài sản dở dang dài hạn		Cuối kỳ	Đầu năm	
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
- Mua sắm		1,223,229,426	1,223,229,426	
- XD CB		403,621,668,607	377,749,124,461	
<i>Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên</i>		-	16,732,509,213	
<i>Dự án khu đô thị MECO - CITY</i>		107,304,540	107,304,540	
<i>Dự án thủy điện Khánh Khê</i>		14,992,917,682	14,716,694,045	
<i>Dự án Suối Choang - Nghệ An</i>		22,326,781,214	22,326,781,214	
<i>Dự án thủy điện Nậm Hóa</i>		359,832,838,206	317,539,258,502	
<i>Dự án mỏ đá Hòa Bình</i>		6,361,826,965	6,326,576,947	
Cộng		404,844,898,033	378,972,353,887	



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	21,950,370,129	81,766,369,088	16,216,314,501	398,034,331	120,331,088,049
- Mua trong kỳ		49,875,000	75,420,000		125,295,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	148,453,504,489	21,185,204,932			169,638,709,421
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(7,555,779,042)	(1,814,839,926)		(9,370,618,968)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	170,403,874,618	95,445,669,978	14,476,894,575	398,034,331	280,724,473,502
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	6,786,684,141	67,212,559,522	13,752,071,643	365,307,058	88,116,622,364
- Khấu hao trong kỳ	3,518,710,897	6,852,337,236	1,107,338,433	14,545,456	11,492,932,022
- Thanh lý, nhượng bán		(6,806,857,633)	(1,814,839,926)		(8,621,697,559)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	10,305,395,038	67,258,039,125	13,044,570,150	379,852,514	90,987,856,827
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	15,163,685,988	14,553,809,566	2,464,242,858	32,727,273	32,214,465,685
- Tại ngày cuối kỳ	160,098,479,580	28,187,630,853	1,432,324,425	18,181,817	189,736,616,675

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

1,916,731,371

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

47,336,053,035

#### 10- Chi phí trả trước

##### a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cuối kỳ

Đầu năm

210,522,040

106,561,789

##### b) Dài hạn

- Các khoản khác

292,198,781

326,265,498

Cộng

502,720,821

432,827,287

#### 11- Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	347,290,151,482	347,290,151,482	279,163,767,852	391,762,647,019	459,889,030,649	459,889,030,649
b) Vay dài hạn	325,108,157,681	325,108,157,681	124,051,758,858	315,318,079,497	516,374,478,320	516,374,478,320
Từ 1 đến 5 năm	94,701,366,327	94,701,366,327	42,961,184,829	315,198,079,497	366,938,260,995	366,938,260,995
Trên 5 năm	230,406,791,354	230,406,791,354	81,090,574,029	120,000,000	149,436,217,325	149,436,217,325
Cộng	672,398,309,163	672,398,309,163	403,215,526,710	707,080,726,516	976,263,508,969	976,263,508,969

#### 12- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	217,246,565,592	217,246,565,592	226,693,814,247	226,693,814,247
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Cộng	217,246,565,592	217,246,565,592	226,693,814,247	226,693,814,247
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	13,558,408,516	13,558,408,516	16,973,397,491	16,973,397,491

#### Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải trả tiền khối lượng thi công

2,504,454,349

2,504,454,349

#### Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả tiền khối lượng thi công

339,037,347

339,037,347

1,249,571,973

1,249,571,973

#### Công ty CP đầu tư và PTĐT Long Giang

Phải trả tiền khối lượng thi công

13,219,371,169

13,219,371,169

13,219,371,169

13,219,371,169



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	21,807,739,219	12,646,988,583	1,758,445,389	32,696,282,413
- Thuế TNDN	(332,772,530)	2,825,798,878	618,480,639	1,874,545,709
- Thuế TNCN	245,614,659	129,623,440	213,405,752	161,832,347
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	153,303,911	34,650,000	-	187,953,911
- Các loại thuế khác	2,436,029,152	30,507,200	26,349,200	2,440,187,152
<b>Cộng</b>	<b>24,309,914,411</b>	<b>15,667,568,101</b>	<b>2,616,680,980</b>	<b>37,360,801,532</b>

### 14- Chi phí phải trả

		Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn			
- Chi phí lãi vay phải trả		1,157,255,461	39,095,400,552
- Lãi trái phiếu phải trả		794,698,889	794,698,889
- Chi phí công trình		169,850,220,605	15,296,164,186
- Chi phí hỗ trợ di dời		1,620,400,273	1,620,400,273
<b>Cộng</b>		<b>173,422,575,228</b>	<b>56,806,663,900</b>

### 15- Phải trả khác

		Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn			
- Kinh phí công đoàn		539,947,061	814,377,812
- Bảo hiểm xã hội		1,329,927,534	935,567,508
- Bảo hiểm thất nghiệp		3,199,500	58,226,419
- Phải trả về cổ phần hoá		252,180,000	252,180,000
- Cổ tức loại nhuận phải trả		2,770,883,026	2,770,883,026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		212,265,213,497	203,389,749,167
<b>Cộng</b>		<b>217,161,350,618</b>	<b>208,220,983,932</b>

### 16- Doanh thu chưa thực hiện

		Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		2,125,108,364	
b) Dài hạn			
- Doanh thu nhận trước		11,681,086,486	13,063,566,420
<b>Cộng</b>		<b>13,806,194,850</b>	<b>13,063,566,420</b>

### 17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	575,100,000,000	169,300,618,000	28,817,258,755	(73,426,398,513)			(171,980,233,730)	4,307,709,866	532,118,954,378
- Tăng vốn trong năm trước								4,300,000,000	4,300,000,000
- Lãi trong năm trước							38,287,930,975	89,333,324	38,377,264,299
- Bù lỗ kinh doanh bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần		(136,339,868,652)					136,339,868,652		
<b>Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay</b>	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)			2,647,565,897	8,697,043,190	574,796,218,677
- Tăng vốn trong kỳ								350,000,000	350,000,000
- Lãi trong kỳ							22,958,072,556	103,459,288	23,061,531,844
<b>Số dư cuối kỳ</b>	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)			25,605,638,453	9,150,502,478	598,207,750,521

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	575,100,000,000	575,100,000,000
<b>Cộng</b>	<b>575,100,000,000</b>	<b>575,100,000,000</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000
d) Cổ phiếu	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,460,000	5,460,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52,050,000	52,050,000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000đ/CP	
e) Các quỹ của doanh nghiệp	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	28,817,258,755	28,817,258,755
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		
Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.		
Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:		
- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;		
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.		
18- Nguồn kinh phí	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	38,421,723	59,896,667
19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1,899.34	1,911.43
Đồng Euro (EUR)	349.98	360.90
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	1,017,354,182	1,017,354,182
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<b>Q4/2015</b>	<b>Q4/2014</b>
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	17,952,993,880	107,245,864,298
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	25,403,227,646	76,268,713,088
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	25,388,630,367	314,367,383,614
- Doanh thu khác	9,558,936,336	6,719,064,767
<b>Cộng</b>	<b>78,303,788,229</b>	<b>504,601,025,767</b>
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Giá vốn hàng bán	<b>Q4/2015</b>	<b>Q4/2014</b>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	21,228,852,649	107,440,962,839
- Giá vốn hoạt động xây dựng	(19,685,252,827)	73,708,960,218
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	39,221,157,425	293,093,963,394
- Giá vốn khác	5,873,385,362	5,619,777,159
<b>Cộng</b>	<b>46,638,142,609</b>	<b>479,863,663,610</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	Q4/2015	Q4/2014
<b>4- Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132,490,996	50,797,403
- Lãi bán các khoản đầu tư	38,665,420,000	10,615,385
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		10,500,000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	948,288	
<b>Cộng</b>	<b>38,798,859,284</b>	<b>71,912,788</b>
<b>5- Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	39,200,754,483	16,211,444,012
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	721,055,408	13,518,094
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1,668,266,800	(326,497,715)
- Chi phí tài chính khác	1,073,069	7,922,391
<b>Cộng</b>	<b>41,591,149,760</b>	<b>15,906,386,782</b>
<b>6- Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6,000,000,000	9,247,354,590
- Lãi do đánh giá lại tài sản		
- Các khoản khác	29	771,854
<b>Cộng</b>	<b>6,000,000,029</b>	<b>9,248,126,444</b>
<b>7- Chi phí khác</b>		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	16,702,955,409	10,612,491,599
- Các khoản bị phạt		
- Các khoản khác	3,387,505	
<b>Cộng</b>	<b>16,706,342,914</b>	<b>10,612,491,599</b>
<b>8 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí cho nhân viên	1,579,333,569	1,122,980,689
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29,317,743	13,595,182
- Chi phí đồ dùng văn phòng	41,256,088	13,625,452
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2,174,895	3,516,399
- Thuế phí và lệ phí	7,879,839	3,318,655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	174,970,704	149,539,161
- Chi phí bằng tiền khác	276,955,175	188,076,563
<b>Cộng</b>	<b>2,111,888,013</b>	<b>2,941,911,414</b>
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí cho nhân viên	16,818,960	31,688,640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		23,235,200
- Chi phí bằng tiền khác		69,042,908
<b>Cộng</b>	<b>16,818,960</b>	<b>123,966,748</b>
<b>9- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10,814,465,827	23,630,930,957
- Chi phí nhân công	1,522,728,267	8,277,890,000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,604,785,408	4,886,949,591
- Chi phí máy thi công	891,095,273	3,280,153,956
- Chi phí sản xuất chung	48,463,068,922	65,702,061,800
<b>Cộng</b>	<b>63,296,143,697</b>	<b>105,777,986,304</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q4/2015	Q4/2014
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,149,781,417	5,344,958,714
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	924,128,113	2,237,629,927
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	11,225,653,304	3,107,328,787
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(174,403,458,277)	(175,267,748,085)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3,960,523,869	
Phạt vi phạm hành chính		
Phần lỗ trong công ty liên kết	3,888,523,869	
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	72,000,000	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(178,363,982,146)	(175,267,748,085)
Phần lãi trong công ty liên kết		(872,313,868)
Cổ tức được nhận		(10,500,000)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(178,363,982,146)	(174,384,934,217)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(162,253,676,860)	(169,922,789,371)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	4,144,372	39,682,281
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(162,257,821,232)	(169,962,471,652)
Trong đó:		
Hoạt động kinh doanh bất động sản	924,128,113	2,237,629,927
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(163,181,949,345)	(172,200,101,579)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế phải nộp tại công ty con	911,766	8,730,102
Thuế phải nộp tại công ty mẹ	203,308,185	492,278,584
- Thuế TNDN phải nộp	204,219,951	501,008,686

### VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	62,630,688,355
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	366,495,888,161

### VIII. Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q4/2015	Q4/2014
Tiền lương	239,651,090	256,809,591
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	18,906,690	29,236,680
Cộng	258,557,780	286,046,271

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty có ủy viên HĐQT làm Chủ tịch

HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	10,992,022,779	9,661,046,935
Cộng nợ phải thu	10,992,022,779	9,661,046,935



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	339,037,347	1,249,571,973
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>		
Phải trả tiền thi công		2,504,454,349
<i>Công ty CP Đầu tư và PTĐT Long Giang</i>		
Phải trả tiền thi công	13,219,371,169	13,219,371,169
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>13,568,308,665</b>	<b>16,983,297,640</b>

#### 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25,403,227,646	17,952,993,880	25,388,630,367	9,558,936,336	78,303,788,229
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa bộ phận					
<b>Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>25,403,227,646</b>	<b>17,952,993,880</b>	<b>25,388,630,367</b>	<b>9,558,936,336</b>	<b>78,303,788,229</b>
Chi phí bộ phận	(19,685,252,827)	21,245,671,609	39,475,043,729	7,731,387,071	48,766,849,582
KQKD theo bộ phận	45,088,480,473	(3,292,677,729)	(14,086,413,362)	1,827,549,265	29,536,938,647
CP không phân bổ theo bộ phận					
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(3,888,523,869)
Lợi nhuận từ hoạt động KD					25,648,414,778
Doanh thu hoạt động tài chính					38,798,859,284
Chi phí tài chính					41,591,149,760
Thu nhập khác					6,000,000,029
Chi phí khác					16,706,342,914
Chi phí thuế TNDN hiện hành					204,219,951
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế TNDN					11,945,561,466
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					25,997,839,146
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					11,492,932,022

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	724,673,842,224	326,029,724,481	828,457,970,026	186,039,160,046	2,065,200,696,777
Các tài sản không phân bổ theo BP					
<b>Tổng tài sản</b>	<b>724,673,842,224</b>	<b>326,029,724,481</b>	<b>828,457,970,026</b>	<b>186,039,160,046</b>	<b>2,065,200,696,777</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	846,745,142,029	88,275,045,323	521,546,054,383	10,388,282,798	1,466,954,524,533
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>846,745,142,029</b>	<b>88,275,045,323</b>	<b>521,546,054,383</b>	<b>10,388,282,798</b>	<b>1,466,954,524,533</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	875,669,903,720	341,255,099,672	963,454,796,587	79,387,243,126	2,259,767,043,105
Các tài sản không phân bổ theo BP					
<b>Tổng tài sản</b>	<b>875,669,903,720</b>	<b>341,255,099,672</b>	<b>963,454,796,587</b>	<b>79,387,243,126</b>	<b>2,259,767,043,105</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	670,148,038,669	349,884,907,867	661,299,206,484	3,578,774,741	1,684,910,927,761
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>670,148,038,669</b>	<b>349,884,907,867</b>	<b>661,299,206,484</b>	<b>3,578,774,741</b>	<b>1,684,910,927,761</b>

#### 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán Hà nội và trong phạm vi có liên quan đã được phân loại lại phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Mã số mới	Mã số cũ	Số liệu tại ngày 31/12/2014 đã kiểm toán	Số liệu tại ngày 01/01/2015 trình bày lại
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	130	522,434,645,067	696,995,542,729
Phải thu ngắn hạn khác	136			196,673,539,546
Các khoản phải thu khác		138	25,121,118,272	
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			229,683,272
Tài sản ngắn hạn khác	150	150	67,009,569,826	1,298,542,148
Tài sản ngắn hạn khác	155	158	63,143,353,360	-
Tài sản cố định	220	220	411,186,819,572	31,138,905,097
Tài sản dở dang dài hạn	240			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	230		
Vay và nợ ngắn hạn		311		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
Vay và nợ dài hạn		334	367,688,260,995	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			366,938,260,995
Trái phiếu chuyển đổi	339			750,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	418	417	22,847,338,071	28,817,258,755
Quỹ dự phòng tài chính		418	5,969,920,684	

#### 6- Thông tin về hoạt động liên tục



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 7- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 4 năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014.

Mặc dù doanh thu Q4 năm 2015 sút giảm lớn so với cùng kỳ năm trước nhưng kết quả sản xuất kinh doanh Q4 năm 2015 vẫn tăng 7.101 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết là Công ty CP Thủy điện Văn Chấn do đó có sự gia tăng đột biến về lợi nhuận.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

C.P.